

CÔNG TY TNHH DU LỊCH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DU LỊCH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN ANH COMMERCIAL AND SERVICE TRAVEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109197876

3. Ngày thành lập: 28/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 909 Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
2.	Bán buôn đồ uống	4633
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
13.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
16.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm)	4772
17.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19.	Bốc xếp hàng hóa	5224
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
23.	Lập trình máy vi tính	6201
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
26.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
27.	Cổng thông tin	6312
28.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
29.	Quảng cáo	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
34.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
35.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
37.	Dịch vụ đóng gói	8292
38.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
39.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
40.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
41.	Tái chế phế liệu	3830
42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
44.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
45.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
46.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
47.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
48.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
50.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
51.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của trung tâm)	7810(Chính)
52.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
53.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
56.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
57.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
59.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
60.	Bán buôn thực phẩm	4632
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý	4610
64.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
65.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
66.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
67.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
68.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
69.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
70.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
74.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
75.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
76.	Sản xuất đồng hồ	2652
77.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
78.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
79.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

80.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
81.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
82.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
83.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
84.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
85.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
86.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
87.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
88.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
89.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
90.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
91.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
92.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
93.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
94.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
95.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
96.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
97.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
98.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
100.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
101.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
102.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
103.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
104.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
105.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
106.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
107.	Bán mô tô, xe máy	4541
108.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *18/03/1975* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *026075000007*
Ngày cấp: *22/01/2015* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *80 Đống Nhân A, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *80 Đống Nhân A, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội